TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CỪ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày 30/ 6/ 2017
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Duy;
2. Ông Vũ Đình Binh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ.

- Đại diện VKSND huyện Phù Cừ tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2016/TLST-HNGĐ, ngày 16/12/2016 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/5/2017; quyết định hoãn phiên tòa số 02 /2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã ĐC, huyện PC, tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn*: Chị Dương Thị N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn HL, xã ĐC, huyện PC, tỉnh Hưng Yên..

Tại phiên tòa, có mặt anh K. Chị N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Dương Thị N, sinh năm 1974 người cùng xã quen biết nhau và có thời gian tìm hiểu khoảng 01 tháng thì kết hôn tự nguyện, anh và chị N có đến gia đình cán bộ xã đăng ký kết hôn nhưng anh chưa lấy giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn anh và chị N có cuộc sống gia đình hạnh phúc và đã sinh được 2 con chung. Do kinh tế gia đình khó khăn, năm 2003 anh đi xuất khẩu lao động tại Malaysia đến năm 2008 chị N ở nhà bán hết ruộng vườn rồi bỏ nhà, bỏ quê đi

làm ăn. Năm 2014 anh về nước ở nhà nuôi dạy các con. Chị N đi làm ăn từ 1 đến 2 năm mới về một lần, khi về chị N không về chung sống với anh mà chị N về nhà mẹ đẻ ở, anh xuống tìm nhưng chị N không về. Chị N có mặt ở địa phương nhưng cũng không về cùng anh tổ chức đám cưới cho con chung. Theo anh, nguyên nhân, lý do chị N không dám về chung sống cùng anh là do khi anh đi xuất khẩu lao động, chị N ở nhà có nhiều mối quan hệ phức tạp nên không dám quay về chung sống với anh nữa. Nay do chị N cứ bỏ đi biền biệt, không về đoàn tụ, chung sống với anh, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Bị đơn chị Dương Thị N trình bày: Chị và anh K quen biết, tìm hiểu 04 năm thì đi đến hôn nhân, chị và anh K có đến gia đình cán bộ xã để đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nhưng sau khi về gia đình anh K chơi chị thấy bố mẹ anh K đối xử với chị không tốt nên chị đã xuống gia đình cán bộ xã để trả giấy chứng nhận kết hôn, chị không rõ cán bộ xã có hủy giấy kết hôn giữa chị và anh K hay không nên hiện chị không giữ lấy chứng nhận kết hôn. Được mọi người động viên nên chị và anh K vẫn tổ chức đám cưới ngày 16/12/1993 âm lịch. Quá trình chung sống, do kinh tế gia đình khó khăn, anh K lại bài bạc và bị bắt nên từ đó vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn, anh K thường xuyên đánh đập chị. Khi anh K đi xuất khẩu lao động, anh K không hề gửi tiền về cho chị để nuôi các con chung và đó là lý do chị phải đi làm ăn xa. Nay chị xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh K nên chị xin được đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh K và chị N đều khẳng định anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 1997. Cháu T đã xây dựng gia đình còn cháu D đang thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Bắc Giang. Do các con chung đều đã thành niên, trưởng thành, tự lập được cuộc sống riêng nên anh K và chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy:

- Anh K xác định giữa anh và chị N không có tài sản chung, công sức, nợ, ruộng cấy nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị N xác định giữa chị và anh K có đất ở được bố mẹ anh K cho, diện tích đất này đã đứng tên anh K và chị. Chị và anh K còn làm được ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ nhưng hiện tại nhà ở và công trình phụ anh K đã phá đi để xây nhà mới. Chị và anh K được chia 2 suất ruộng, hiện anh K đang quản lý. Nay chị đề nghị Tòa án, giải quyết phần tài sản nêu trên để đảm bảo quyền lợi cho chị.

Cháu Nguyễn Thị T trình bày: Cháu là con đẻ của bố K và mẹ N. Hiện cháu đã lấy chồng và sinh sống tại Thôn VX, xã TX, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Em D cháu đi nghĩa vụ quân sự tại Lục Ngạn, Bắc Giang. Thời điểm cháu lấy chồng, mẹ N cháu có nhà nhưng bố mẹ cháu mâu thuẫn nên mẹ N không nên tổ chức, dự đám cưới của cháu. Theo cháu nguyên nhân bố mẹ cháu mâu thuẫn và sống ly thân là do kinh tế gia đình khó khăn, thời gian bố đi xuất khẩu lao động thỉnh thoảng bố K mới gửi tiền về cho mẹ con cháu. Nay cháu mong muốn bố

mẹ về đoàn tụ để làm chỗ dựa tinh thần cho chị em cháu. Nay cháu đã thành niên, đã có gia đình, tự lập được cuộc sống riêng nên cháu không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với cháu khi bố mẹ cháu ly hôn. Bản thân cháu và bố mẹ cháu cũng không có vướng mắc, tranh chấp gì về tài sản, nợ. Cháu đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án của bố K, mẹ N vắng mặt cháu.

Cháu Nguyễn Văn D trình bày: Cháu là con đẻ của bố K và mẹ N. Bố mẹ cháu sinh được 2 chị em, chị cháu là Nguyễn Thị T. Hiện nay cháu đang thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Trung đội 8, Đại đội 7, Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 95, Sư đoàn 326, Quân đoàn 2, Bộ Quốc phòng. Việc bố K làm đơn xin ly hôn mẹ N cháu có biết. Cháu không biết nguyên nhân, lý do bố K và mẹ N không về với nhau nữa. Cháu mong muốn Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu về với nhau. Nay cháu đã thành niên, đã tự lập được cuộc sống riêng nên cháu không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với cháu khi bố mẹ cháu ly hôn. Bản thân cháu và bố mẹ cháu cũng không có vướng mắc, tranh chấp gì về tài sản, nợ. Cháu đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án của bố K, mẹ N vắng mặt cháu.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị N được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần giấy triệu tập nhưng chị N không có mặt. Xác minh chính quyền địa phương được biết hiện chị N không có mặt tại địa phương; xác minh qua người thân trong gia đình của chị N được biết từ ngày 06/1/2017 âm lịch (tức ngày 02/02/2017) chị N đã đi làm ăn, không để lại địa chỉ cho gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay, anh K vẫn giữ quan điểm xin ly hôn chị N. Về phần tài sản, công sức, ruộn cấy, khi nào chị N về có đơn yêu cầu, Tòa án giải quyết thành vụ kiện khác. Chị N được Tòa án tống đạt hợp lệ 2 lần giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng vẫn vắng có mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để giải quyết theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh K, anh K được ly hôn chị N.

+ Về con chung: Các con chung đều đã thành niên, trưởng thành nên không phải xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

+ Về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy: Do chị Dương Thị N vắng mặt, chưa có quan điểm cụ thể về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy nên sau này chị N trở về nếu có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

+ Về án phí: Anh K phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giải thích rõ về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong vụ án. Chị N đã có lời khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của anh K. Tuy nhiên, sau đó Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng chị N không đến Tòa án làm việc. Xác minh tại địa phương và gia đình thì được biết chị N đã rời khỏi địa phương đi làm ăn, không để lại địa chỉ. Như vậy, việc chị N bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo cho Tòa án biết là cố tình trốn tránh theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trước khi tổ chức đám cưới, anh K và chị N đều khẳng định có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, chị N đã mang trả lại giấy kết hôn nên không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án. Xác minh tại địa phương, UBND xã ĐC xác nhận anh K và chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nhưng xã không còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn năm 1994. Xác minh tại Phòng Tư pháp huyện Phù Cừ xác định tại số thứ tự 51, ngày 23/01/1994, do ông Nguyễn Văn Đ ký tên thực hiện việc đăng ký kết hôn thì có tên anh Nguyễn Văn K và chị Dương Thị N. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh K và chị N có đăng ký kết hôn và là vợ chồng hợp pháp. Nay anh K xin ly hôn chị N, Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Anh K cho rằng, do kinh tế khó khăn nên năm 2003 anh đi xuất khẩu lao động; năm 2008 chị N ở nhà bán hết ruộng vườn, bỏ lại con nhỏ để đi làm ăn; thời gian qua anh đã nhiều lần tìm, động viên chị N về đoàn tụ nhưng chị N không về, thậm chí khi con chung lấy chồng chị N cũng không đến. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị N không còn nên anh xin được ly hôn chị N.

Chị N thì cho rằng do kinh tế khó khăn, anh K lại chơi bời bài bạc nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn và chị bị anh K đánh nhiều lần; từ năm 2003 anh K đi xuất khẩu lao động nhưng không gửi tiền về cho chị nên chị phải đi làm ăn để lấy tiền nuôi con. Chị N xác định vẫn còn tình cảm với anh K nên xin được đoàn tụ, nhưng chị vẫn phải đi làm ăn xa để lo kinh tế.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh K thì thấy: Thực tế anh K và chị N đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, không có cuộc sống chung, không thể đoàn tụ, hạnh phúc được. Yêu cầu khởi kiện của anh K xin ly hôn chị N là có căn cứ, được Tòa án chấp nhận. Chị N xác

định tình cảm vợ chồng với anh K vẫn còn, chị không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ nhưng chị không có biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng vốn nó đã mất nhiều năm nay, chị bỏ đi trong khi Tòa án đang giải quyết vụ án, gây khó khăn cho tiến trình giải quyết vụ án và điều đó cũng thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, gia đình với chị là không quan trọng nên việc xin đoàn tụ của chị là mục đích ràng buộc, theo đó yêu cầu xin đoàn tụ của chị không được Tòa án chấp nhận.

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ xét thấy anh K và chị N đã sống ly thân từ lâu, cuộc sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh K được ly hôn chị N để hai bên ổn định cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Anh K và chị N đều khẳng định anh, chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 1997 đều đã trưởng thành, tự lập, không ai phải nuôi dưỡng. Cháu T, cháu D cũng khẳng định nội dung này và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy:

Chị N xác định giữa chị và anh K có đất ở, nhà xây, công trình phụ, ruộng cấy, hiện anh K đang quản lý. Chị N đề nghị Tòa án, giải quyết phần tài sản nêu trên để đảm bảo quyền lợi cho chị. Tòa án đã giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của chị N nhưng chị N không thực hiện các thủ tục tố tụng để đảm bảo quyền lợi của mình mà bỏ đi trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Do chị N bỏ đi, chưa có quan điểm cụ thể đối với yêu cầu về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau này chị N trở về nếu có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Anh K nhất trí phần tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy khi nào chị N về có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 8 điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Dương Thị N.

- *Về con chung*: Cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 1997 là con chung của anh K, chị N đều đã trưởng thành, tự lập, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy*:

Do chị Dương Thị N vắng mặt, chưa có quan điểm cụ thể về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy nên sau này chị N về nếu có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn K phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào số tiền anh K đã nộp tạm ứng án phí là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu số 005373, ngày 16/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ. Anh K đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

- *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo của anh K tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; thời hạn kháng cáo của chị N tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện PC;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện PC;
- UBND xã ĐC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Vũ Thị Nga